

THUNG LŨNG AN KHÊ: MỘT “KHÔNG GIAN THIÊNNG” CỦA VƯƠNG QUỐC CHIÊM THÀNH VÀO THẾ KỶ XV

Trần Kỳ Phương*

Thung lũng An Khê (bao gồm thị xã An Khê, huyện Đak Pơ và huyện Kông Chro) thuộc tỉnh Gia Lai nằm ở vị trí trung chuyển từ đồng bằng lên cao nguyên nên giữ một vai trò trọng yếu trong việc vận chuyển hàng hóa trên con đường giao thương giữa vùng duyên hải của miền Trung Việt Nam lên vùng Nam Lào cũng như Đông-Bắc Campuchia.

Dựa trên quan điểm khảo cổ học cảnh quan (landscape archaeology) chúng ta có thể nhận định rằng các di tích và di vật thuộc văn hóa Chăm^(**) phát hiện được tại thung lũng An Khê đã minh chứng vị thế quan trọng của thung lũng này trong một cảnh quan bao quát khắp vùng Đông Nam Á lục địa vì nó đã giữ vai trò năng động của một trung tâm trung chuyển hàng hóa nhập cảng và xuất cảng liên vùng. Hầu hết những di vật Chăm phát hiện tại An Khê đều thuộc về thế kỷ XV, cùng niên đại với tấm bia Tư Lương, bao gồm hai cái chân đèn bằng đồng dùng trong tế lễ; rần *naga* nhiều đầu bằng sa thạch dùng để trang trí đền-tháp, hiện trưng bày tại Bảo tàng An Khê. Ngoài ra một số di vật khác như máng nước (somasutra), giếng nước vuông và nhiều vật liệu kiến trúc bằng đá ong, ngói lá..., được phát hiện tại di tích “nhà ông Nhạc” thuộc huyện Kông Chro (Nguyễn Khắc Sử, Toàn, Luân 2017: 151-56; Nguyễn Thị Kim Vân 2017: 349-58). Về cảnh quan văn hóa của thung lũng An Khê, chúng ta có thể lưu ý đến ngọn núi Mò O (Mò O = Maha = Mahaparvata là Đại Sơn thần hay thần Siva), thuộc thị xã An Khê, như một ngọn núi thiêng tượng trưng cho thần Siva kết hợp với Sông Ba là dòng sông thiêng tượng trưng cho nữ thần Nadi/Ganga, vợ thần Siva, theo quan niệm của đạo Bà-la-môn. Núi thiêng (Núi Mò O) và sông thiêng (Sông Ba) đã tạo nên một không gian thiêng nơi tạo dựng đền-tháp để tôn thờ thần Siva - Đấng Bảo hộ của các hoàng triều Champa theo như những minh văn Chăm đã đề cập (Trần Kỳ Phương 2009: 155-86). Hơn nữa, những chứng cứ vật chất của thời Chiêm Thành/Champa tại

* Thành phố Đà Nẵng.

** Tác giả sử dụng danh xưng Chiêm Thành và Chăm để chỉ vương quốc cổ Champa theo truyền thống sử học Việt Nam được phổ biến trước năm 1975. Chẳng hạn, Chiêm Thành quốc, Cù lao Chăm, Dân tộc Chăm sử lược, v.v. Còn danh xưng “Chăm” chỉ xuất hiện từ sau năm 1975 để chỉ cộng đồng dân tộc Chăm hiện sinh sống tập trung tại vùng Ninh Thuận và Bình Thuận. Chẳng hạn, đồng bào Chăm, tiếng Chăm, ẩm thực Chăm, dân ca Chăm, múa Chăm, v.v. Từ Champa được sử dụng rộng rãi bởi học giả phương Tây theo truyền thống sử học phương Tây. Trong văn bia cổ của Chiêm Thành/Champa dùng từ “urang Campa” (nghĩa là người Champa) để chỉ các cư dân thuộc vương quốc Champa/Chiêm Thành.

vùng An Khê chính là tiền đề để tìm hiểu về vai trò kinh tế-văn hóa của vùng Tây Sơn Thượng Đạo trong cuộc khởi nghĩa của nhà Tây Sơn vào thế kỷ XVIII.



Hình 1: Ngọn núi thiêng Mò O nhìn từ thị xã An Khê. Ảnh: Trần Kỳ Phương.

Hình 2: Sông Ba, dòng sông thiêng chảy qua thung lũng An Khê. Ảnh: Trần Kỳ Phương.



Hình 3: Chân đèn bằng đồng, thế kỷ XV, phát hiện tại thung lũng An Khê. Hiện trưng bày tại Bảo tàng An Khê. Ảnh: Trần Kỳ Phương.

Một trong những chứng cứ sớm nhất của văn hóa Chiêm Thành xuất hiện tại Tây Nguyên là vào khoảng đầu thế kỷ X. Theo nghiên cứu của các nhà khoa học người Pháp vào đầu thế kỷ trước, những vết tích của một ngôi đền Phật giáo tên là Mahindralokesvara (Quán Thế Âm) dựng bởi một lãnh chúa địa phương là Mahindravarman vào năm 914; nó được phát hiện bên bờ sông Kon Klor, nay thuộc thành phố Kon Tum. Tại di tích Kon Klor, các học giả đã phát hiện được nhiều lớp gạch của một cơ sở thờ tự lớn; cùng với một tượng kim loại rất đẹp, cao khoảng 01 mét; bệ thờ; và chậu đựng nước thánh lễ, trên đó có một dòng văn khắc cung cấp danh hiệu và niên đại của ngôi đền này (Hickey 1982: 91-93). Đây là một Phật viện thờ đức Bồ tát Quán Thế Âm nhằm thỉnh nguyện ngài phò trợ cho chính thí chủ cúng dường, một tín ngưỡng phổ biến trong hoàng gia Chiêm Thành đương thời

(Chuttiwongs 2002: 296). Pho tượng thờ và ngôi đền gạch Kon Klor cũng là chứng cứ thuyết phục cho sự hiện diện của Phật giáo Chiêm Thành tại cao nguyên vào thời thịnh trị của triều đại Indrapura (Đồng Dương), khoảng năm 875; chúng đã chỉ ra mối quan hệ mật thiết của triều đình Chiêm Thành ở miền xuôi đối với các lãnh chúa và cư dân ở miền ngược. Ngoài ra, một đầu tượng Avalokitesvara (Quán Thế

Âm) cũng bằng đồng, cao 19cm, niên đại khoảng thế kỷ IX-X, được tìm thấy tại xã Hòa Thành, huyện Krong Bông, tỉnh Đắk Lắk, hiện trưng bày tại Bảo tàng Đắk Lắk (Bảo tàng Đắk Lắk 2011: 106); đây là chứng cứ bổ sung cho sự hiện diện phổ biến của đạo Phật trên toàn vùng cao nguyên trong giai đoạn hưng thịnh của Phật giáo Chiêm Thành và của các vương quốc lân cận ở Đông Nam Á lục địa.

Vào thế kỷ XI đến thế kỷ XV/XVI, tiểu quốc Champa Vijaya/Vijayapura nay thuộc tỉnh Bình Định là một trung tâm kinh tế và văn hóa trọng yếu của vương quốc Chiêm Thành; tiểu quốc này giữ một vai trò chủ đạo trong mối giao lưu với vương quốc Khmer thời Angkor, nó là nơi gặp gỡ giữa hai con đường giao thương trên bộ và trên biển của nền hải thương quốc tế trên Biển Đông (Nam Hải) qua cảng-thị Thị Nại (Sri Boney) ở Quy Nhơn. Trong bối cảnh này, An Khê với địa thế của một thung lũng rộng lớn, trù phú về lâm sản hãn đã chiếm một vị trí thiết yếu trên con đường bộ kết nối giữa hai vương quốc cổ trong vùng. Thung lũng An Khê tọa lạc không xa, trong khoảng 60km, với cảng-thị Thị Nại và các trung tâm tôn giáo của tiểu quốc Vijaya.

Trong thế kỷ XII, một triều vua hùng mạnh xuất hiện trong lịch sử Chiêm Thành, vua Jaya Harivarman lên ngôi trị vì vương quốc sau khi đánh bại quân đội Khmer và Đại Việt xâm chiếm tiểu quốc Amaravati (vùng Quảng Nam ngày nay) và thống nhất vương quốc. Ngài đã cho dựng tại thánh địa hoàng gia Srisanabhadresvara (Mỹ Sơn) một nhóm đền-tháp để tạ ơn thần Siva đã hộ trì ngài trong chinh chiến và thờ phụng hai đấng thân sinh. Ngôi đền được dựng năm 1157/58 trên một ngọn đồi nhỏ được gọi là núi Vugvan (Hoàn Vũ) tức là nhóm tháp G trong thung lũng Mỹ Sơn. Sau khi ổn định và thống nhất đất nước qua những năm dài chinh chiến trong những thập niên đầu thế kỷ XII, vua Jaya Harivarman đã tạo dựng mối giao thương mật thiết với thương nhân vùng Hoa Nam dưới thời Nam Tống (1127-1279) cũng như tái lập hoạt động thương mại với hai vương quốc láng giềng là Khmer và Đại Việt; ông đã xây dựng Champa trở thành một trung tâm thương mại của toàn khu vực. Ông cho biết quê quán của ông ở vùng Vijaya (Ratna Bhumi Vijaya/Vijayapura) trong tỉnh Bình Định ngày nay, vì thế ông đã cho xây dựng kinh đô mới ở vùng cảng-thị này; kinh đô của ông được sử Trung Hoa ghi chép là Tân Châu để phân biệt với Cựu Châu là vùng Amaravati trước kia (Whitmore 2018: 31-36). Ngày nay chúng ta có thể mục chứng những thành tựu về kinh tế-văn hóa của Jaya Harivarman và của các triều vua kế vị lưu truyền, đó là những tổ hợp đền-tháp Bà-la-môn giáo/Ấn Độ giáo và Phật giáo được xây dựng trong khắp vùng Vijaya và trong các tiểu quốc khác của vương quốc Chiêm Thành vào các thế kỷ XII-XIII. Trong đó nổi bật là nhóm Dương Long (Tây Sơn, Bình Định) có chiều cao 43m (ngôi tháp giữa) là một trong những kiến trúc tôn giáo bằng gạch cao nhất ở Đông Nam Á đương thời.

Đền thế kỷ XV, vua Virabhadravarmadeva, là người sáng lập vương triều hưng thịnh cuối cùng của Champa, ông đã để lại nhiều bi ký trong đó có tấm bia Tư Lương nằm trong thung lũng An Khê. Tấm bia này và một số hiện vật Chăm phát hiện trong vùng là những bằng chứng cụ thể về sự có mặt những di tích văn hóa Chăm trên vùng đất cao nguyên. Trước hết phải lưu ý tấm bia Tư Lương được khắc bằng tiếng Chăm cổ trên một khối đá ở thôn Tư Lương, xã Tân An, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai. Tấm bia này cùng với tấm văn khắc của di tích Drang Lai tại thung lũng Ayun Pa (Cheo Reo) là hai minh văn hiếm hoi được phát hiện trên cao nguyên vào thế kỷ XV. Nội dung minh văn Tư Lương đề cập đến việc vua Virabhadravarmadeva, con trai của vua Jayasimhavarman trị vì vùng Vijaya (Bình Định ngày nay), ngài đã dựng một ngôi đền và tấm văn khắc tại kinh thành mệnh danh là Samriddhipuri (thành phố Thịnh vượng) [nằm trong thung lũng An Khê ngày nay ?] vào năm 1438 Công nguyên; ngoài ra, ngài cũng cho xây dựng đường sá và đập nước trên sông Hayav [Sông Ba?] (Griffiths 2018).



Hình 4: Tấm bia Tư Lương thuộc triều vua Virabhadravarmadeva, thế kỷ XV.
Ảnh: Trần Kỳ Phương.



Hình 5: Nét chữ của bia Tư Lương thuộc thế kỷ XV. Ảnh: Trần Kỳ Phương.

Nằm trong không gian văn hóa của An Khê thời Chiêm Thành, có thể kể đến một di tích quan trọng khác đó là Yang Mum, đây là một di tích đền-tháp nằm trong một thung lũng lớn của Ayun Pa/Cheo Reo, cách An Khê khoảng 80km về phía nam, tại đây các nhà khảo cổ học đã tìm được hai bức tượng thần Siva trong một ngôi đền bằng gạch. Một trong hai bức tượng có khắc minh văn đã

được nhà bi ký học Arlo Griffiths chuyển ngữ, bia có nội dung đề cập đến triều vua Virabhadravarmadeva khoảng giữa thế kỷ XV. Đó là bi ký Drang Lai (C.43; hiện bảo quản tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm-Đà Nẵng) tìm thấy tại Cheo Reo, nay là thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, khắc bằng tiếng Chăm cổ vào đầu thế kỷ XV, được lập bởi vua Virabhadravarmadeva (Đệ Nhất) là con và là người kế vị của vua Jayasimhavarman. Ông lên ngôi năm 1415, đóng đô tại Vijayapura (tỉnh Bình Định ngày nay), đã nhiều lần giao tranh với Đại Việt và chiếm được nhiều chiến lợi phẩm gồm một công chúa người Việt, nhiều nô lệ, gia súc, và các tài sản quý giá khác... Vào năm 1435 ông cho dựng một pho tượng thần Kiratesvara (Siva), vị thần đã bảo trợ ông tạo được mối liên kết chặt chẽ với những người miền Thượng (Griffiths, Lepoure, Southworth, Thành Phần 2012: 205-18).



Hình 6: Tượng Siva tìm thấy tại ngôi đền Yang Mum, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Niên đại thế kỷ XV. (Sưu tập của Bảo tàng Guimet, Paris, Pháp).

khối tam giác; hai tay cầm pháp khí là đinh ba (trisula) và cái chùy (gada) hoặc cầm một xâu chuỗi hạt (akmasala); mang đồ trang sức bằng kim loại quý chạm trở tinh vi; và đeo một dây rắn *naga* trên ngực. Những pho tượng Siva-đạo sư này đã được tìm thấy tại Yang Mum/Ayun Pa (Gia Lai), Nhơn Hậu (Bình Định), Chùa Vua/Chiêm Sơn Tây, Phú Hưng (Quảng Nam), Linh Thái (Thừa Thiên Huế).

Vương triều Virabhadravarmadeva là một vương triều hùng mạnh, vị vua đầu đã thống nhất các miền của vương quốc và được tôn xưng là “vua của các vua/rajadhirajas”. Vương triều này để lại nhiều bi ký được tìm thấy trong khắp vương quốc từ phía nam (Biên Hòa) đến vùng cao nguyên (Ayun Pa, Tư Lương thuộc tỉnh Gia Lai) cho đến phía bắc (Chiêm Sơn Tây, Quảng Nam) nhưng tập trung nhiều nhất là ở kinh đô đương thời của vương quốc tại Vijayapura trong tỉnh Bình Định (Griffiths 2014).

Bên cạnh số lượng lớn văn khắc, vương triều Virabhadravarmadeva đã cho tạc nhiều pho tượng thần Siva trong hình dạng đạo sư (Sivacarya) để cổ xúy tín ngưỡng Siva trong khắp vương quốc. Những pho tượng Siva này mang những yếu tố tiêu tượng học thống nhất, đó là Siva trong tư thế ngồi trên lưng bò thần Nandin; hoặc ngồi trong tư thế chéo hai chân thành một



Hình 7: Thần Siva cỡi bò thần Nandin có văn khắc phía sau tượng. Phát hiện tại ngôi đền Yang Mum, Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Niên đại thế kỷ XV. (Sưu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Boston, Mỹ).

Hình 8: Thần Siva thế kỷ XV phát hiện tại thung lũng Chiêm Sơn Tây, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. (Sưu tập của cố linh mục Nguyễn Trường Thăng, hiện trưng bày tại nhà thờ Trà Kiệu). Ảnh: Trần Kỳ Phương.



Gần đây, những tác phẩm nghệ thuật Khmer mới được phát hiện đã minh chứng cho mối tương tác nghệ thuật trong vùng giữa Champa với thời Tiền Angkor và Angkor của vương quốc Khmer. Những phát hiện này đã góp phần phục dựng và tìm hiểu về vai trò quan trọng của con đường bộ trong mối tương tác kinh tế và văn hóa dựa vào những phát hiện mới về khảo cổ học dọc theo sông Sê-kông ở Nam Lào, Đông-Bắc Campuchia, và Tây Nguyên (Trần Kỳ Phương, Luangkhoté, Kaseka 2015: 432-41). Rất nhiều thông tin được ghi nhận qua các cuộc khai quật và nghiên cứu các di chỉ khảo cổ học trong vùng; chúng đã giúp các nhà nghiên cứu nhận định lại mối quan hệ giữa đế chế Khmer và [các] vương quốc Champa, mà, trong đó, yếu tố địa lý tự nhiên và sự năng động của các cộng đồng cư dân sinh sống tại đây đã đóng một vai trò rất quan trọng. Những kết quả nghiên cứu trên góp phần nêu rõ vị trí quan trọng của An Khê trong mối giao thương liên vùng qua suốt chiều dài lịch sử.

Căn cứ vào mật độ phân bố dày đặc của những di tích kiến trúc tôn giáo mới được phát hiện tại tỉnh Attapue (Nam Lào), cùng với hệ thống các di chỉ khảo cổ khác được phát hiện ở tỉnh Stung Treng và Ratanakiri ở Đông-Bắc Campuchia, chúng đã chứng minh một mối quan hệ khăng khít về kinh tế và văn hóa - nghệ thuật ở vùng hạ lưu sông Mê-kông. Mạng lưới sông ngòi của những dòng sông

lớn gồm Mê-kông, Sê-kông, Sê-san và Srê-pok là hệ thống đường thủy giữ vai trò quan trọng trong quá trình hình thành lịch sử ở khu vực này từ khoảng thế kỷ thứ VIII hoặc sớm hơn.

Những con sông này có tầm ảnh hưởng rất lớn, chẳng hạn: (1) phân bổ nguồn nhân lực, khai thác, và sản xuất tài nguyên; (2) thiết lập mạng lưới giao thương; (3) giữ vai trò chủ đạo trong quá trình trao đổi kinh tế và văn hóa; (4) phát triển mạng lưới xã hội. Nhìn chung, chúng không chỉ giúp các nhà khoa học định hướng sự hiểu biết về quá trình tiếp xúc giữa đế chế Khmer và [các] vương quốc Champa; mà còn giữ vai trò tích cực để tìm hiểu về sự hình thành cơ tầng kinh tế-xã hội vào thời điểm đó. Ba con sông Sê-kông, Sê-san và Srê-pok đều bắt nguồn từ dãy Trường Sơn là dãy núi chia vùng này thành hai lưu vực về phía Đông và phía Tây của bán đảo. Lưu vực về phía Đông là hệ thống sông chảy từ nhiều hướng khác nhau, đặc điểm của chúng là quanh co, ngắn và hẹp; các dòng sông này đều chảy dồn về các thung lũng và đồng bằng ven biển rồi cuối cùng là đổ ra biển. Những dòng sông này giữ vai trò chính trong quá trình hình thành các tiểu quốc cảng-thị (port-state/port-polity) của Champa; chúng được minh chứng bởi một hệ thống các di tích Bà-la-môn giáo và Phật giáo được xây dựng từ phía bắc và trải dài cho đến tận phía nam của miền Trung trong nhiều thế kỷ.

Xét về mặt cảnh quan văn hóa, vùng Đông-Bắc Campuchia từ tỉnh Stueng Treng đến Ratanakiri và xa hơn về phía đông, vùng này có thể kết nối với Tây Nguyên (École Française d'Extrême-Orient 2006; Davis 2001-05; Heng 2016: 484-505). Địa hình có đặc điểm là cao nguyên đất đỏ bazan rộng, liên kết nhau thông qua các ngọn đèo thấp, chính hệ thống giao thông thuận tiện này đã giúp kết nối các tộc người nói tiếng Môn-Khmer ở cao nguyên với các khu vực đồng bằng của người Chăm (urang Campa) định cư dọc theo bờ biển phía đông và rồi liên kết với hệ thống hải thương quốc tế giữa Nam Ấn và Hoa Nam. Đặc biệt, vùng cao nguyên và miền núi này là khu vực rất giàu tài nguyên rừng để cung cấp và trao đổi sản phẩm với vùng duyên hải.

Quá trình trao đổi hàng hóa đã diễn ra trong mối tương quan với điều kiện môi trường thiên nhiên, nó mang đến nguồn lợi kinh tế thiết yếu cho các cộng đồng cư dân sinh sống ở miền núi và các vùng lân cận, không gian giao thương kéo dài từ miền xuôi lên đến miền ngược. Các tuyến đường này được kết nối thông qua bản làng (muong/plei) của các sắc tộc thiểu số, để từ đó hình thành “con đường hoàng gia” kết nối đế chế Khmer và [các] vương quốc Champa. Dựa trên những nghiên cứu mới, các học giả đưa ra những luận cứ thuyết phục để chứng minh là nhiều nhóm sắc tộc thiểu số đã tham gia tích cực vào hệ thống giao thương đường bộ và đã tạo nên mối tương tác văn hóa giữa các sắc tộc nói tiếng Nam Đảo/Austronesian - Chăm với các sắc tộc nói tiếng Nam Á/Austroasiatic-Môn Khmer.



Hình 9: Bản đồ chỉ mối giao lưu giữa các trung tâm kinh tế-văn hóa chính trong vùng được liên kết bằng đường bộ từ duyên hải miền Trung lên cao nguyên và Nam Lào, Đông Bắc Campuchia. (Thiết kế Trần Kỳ Phương dựa theo Google Map).

Tỉnh Stung Treng có thể xem là trung tâm liên kết vùng Đông-Bắc Campuchia với Tây Nguyên của Việt Nam qua hệ thống sông Sê-san; mà trong đó, cộng đồng người Jrai-thuộc ngữ hệ Nam Đảo/Austronesian/Malayo-Polynesian, đã giữ vai trò trung gian. Người Jrai, có hai vị vua huyền thoại là Vua Lửa/Hỏa Xá (Patau Apui) và Vua Nước/Thủy Xá (Patau Ia); cho đến đầu thế kỷ XVII, hằng năm hai vị vua này đều được các quốc vương Khmer gửi sứ giả sang triều cống (Dournes 1977: 9-42; Tranet 1983: 75-107). Theo nhà dân tộc học Nguyễn Từ Chi (1996: 453-55, note 15), các vị vua huyền thoại của người Jrai chính là các thủ lĩnh cầm đầu các liên minh bộ lạc, tạo sức mạnh liên kết trong các cuộc chiến tranh ngắn hạn đồng thời nhằm kiểm soát mạng lưới giao thương đường dài từ duyên hải miền Trung lên đến vùng nội địa Đông-Bắc Campuchia.

Gần đây một chứng cứ sinh động mới được phát hiện để chứng minh cho sự tồn tại của con đường giao thương trọng yếu này, đó là sự khám phá một ngôi đền gạch tên là Prasat Ta-nang (Yeak Naang) tọa lạc trong một ngôi làng của dân tộc Jrai gọi là Dor Touch, thuộc huyện Ô-ya-đao, tỉnh Rattanakiri (Trần Kỳ Phương 2017: 4-6).

Ngôi đền này là cơ sở vững chắc để chứng minh sự kết nối mang tính lịch sử của mối quan hệ kinh tế-văn hóa giữa vùng Stung Treng/Rattanakiri với Tây Nguyên. Ngôi đền gạch này nằm bên bờ một con sông nhỏ tên là Ô-tang, cách biên giới Campuchia và Việt Nam chỉ khoảng 10km. Toàn bộ khu vực bị rừng cây phủ kín cho đến khi được phát hiện vào năm 2009. Khi chúng tôi đến khảo sát tại



Hình 10: Ngôi đền gạch Prasat Ta-nang, tỉnh Rattanakiri, Campuchia, niên đại thế kỷ VIII-IX. Đây là chứng cứ của một trung tâm kinh tế tôn giáo thiết lập trong vùng rừng sâu tọa lạc trên con đường giao thương Đông-Tây. Ảnh: Trần Kỳ Phương.

đây vào tháng 3/2014, đã chứng kiến nhiều khối gỗ lớn bị đốt cháy dang dở nằm vung vãi trong khu vực đền. Theo Giáo sư Ang Choulien, một nhà nhân học người Campuchia, trước đây, người Jrai ở Rattanakiri giữ độc quyền về buôn bán ché cỏ và công chiêng trong vùng - đây là những mặt hàng quý phải nhập từ đồng bằng, chúng được dùng trong tất cả các nghi lễ của các tộc người sinh sống trên bán đảo Đông Dương. Có tất cả 15 làng Jrai ở Rattanakiri, họ có mối quan hệ với người Jrai ở Việt Nam, nhưng họ không biết gì về Vua Lửa và Vua Nước ở Ayunpa (trao đổi cá nhân của tác giả với Ang Choulien vào tháng 3/2014 tại Rattanakiri).

Về mặt lịch sử, ngôi đền Prasat Ta-nang chứng minh nơi đây đã từng tồn tại một trung tâm tụ cư quan trọng và thương mại quy mô để trao đổi hàng hóa cho toàn khu vực. Ngôi đền Prasat Ta-nang cũng là một trung tâm tôn giáo, là nơi hành hương cho các thương nhân đến đây để cầu nguyện và cúng lễ cho các vị thần, cầu mong được sự hộ trì trên lộ trình giao thương đầy nguy hiểm qua những vùng đất xa xôi trắc trở. Ngôi đền cũng là một biểu tượng cho sức mạnh và uy thế của các vị lãnh chúa địa phương trong việc kiểm soát các tuyến đường thương mại chính yếu liên kết toàn vùng. Ngôi đền gạch Prasat Ta-nang có thể được xem là cùng nằm trong không gian văn hóa với ngôi đền Kon Klor, đề cập ở trên, chứng minh chứng cho một hệ thống tôn giáo đã được thiết lập và tồn tại trong nhiều thế kỷ ở vùng cao nguyên. Cho đến hiện nay, đây là di tích kiến trúc tôn giáo duy nhất hiện tồn trong vùng rừng sâu (hinterland) ở Đông Nam Á lục địa, nó đã minh chứng một cách sống động cho sự tồn tại của mạng lưới giao thương kết nối từ đồng bằng lên vùng cao ở Đông Nam Á lục địa, được xác minh vào khoảng đầu thế kỷ thứ VIII cho đến thế kỷ thứ X.



Hình 11: Bản đồ chỉ những mối giao lưu kinh tế và văn hóa bằng đường bộ thông qua các tộc người và dựa trên những chứng cứ khảo cổ học trong toàn vùng Đông Nam Á lục địa. Trong đó vị trí của thung lũng An Khê giữ vai trò trung chuyển ở vùng Nam Trung Bộ kết nối cao nguyên với duyên hải. (Thiết kế Trần Kỳ Phương).

Hình 11 là bản đồ mô phỏng các tuyến đường thương mại có từ thời cổ đại, giữ vai trò kết nối các trung tâm thương mại và chính trị ở Đông Nam Á lục địa. Chúng là những tuyến đường đã kết nối giữa đế chế Khmer với [các] vương quốc Champa qua các vùng tụ cư của các nhóm sắc tộc khác nhau thuộc cư dân bản địa. Bản đồ này bộc lộ sự năng động và thể hiện tính tương tác giữa các nền văn hóa khác nhau; giữa các nhóm ngôn ngữ khác nhau qua nhiều thế kỷ; thay vì mang tính khu biệt trong từng vị trí địa lý riêng rẽ hoặc trong các khu tụ cư biệt lập theo như những nhận định trước đây. Trên bản đồ này chúng ta có thể nhận thức rằng địa thế của thung lũng An Khê là nằm về hướng cực Đông của con đường giao thương liên vùng Đông Nam Á lục địa; để từ đó có thể hình dung được vai trò tích cực của nó trong lịch sử kinh tế, chính trị và văn hóa của toàn vùng. (*)

T K P

* **Cảm tạ:** Tiểu luận này đã được trình bày tại “Hội thảo khoa học Tây Sơn Thượng Đạo trong khởi nghĩa Tây Sơn”, tổ chức tại thị xã An Khê, từ 23-24/11/2017. Tác giả chân thành cảm ơn Thị ủy và Ủy ban Nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai đã hỗ trợ đề khảo sát tại thung lũng An Khê và Ayunpa trong năm 2017-2018. TKP.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chutiwongs, Nandana (2002). *The iconography of Avalokitesvara in Mainland South East Asia*. New Dehli: Indira Gandhi National Center for the Arts.
- Davis, Bertell (biên tập) (2001-05). 'Unpublished preliminary research reports and field notes in Stueng Treng Province'. *East Cambodian Archaeological Survey (ECAS)*, NAGA Research Group (Bertell Davis, Bion Griffin, Mike Dega, Kyle Latinis, Andy Cowan, Phon Kaseka).
- Dournes, Jacques (1977). *Pötao: une théorie du pouvoir chez les indochinois Jörai*. Paris: Flammarion.
- École Française d'Extrême-Orient et Ministère de la culture et des beaux-arts, 2006. *Carte Archéologique du Cambodge Bassin du Mekong, provinces de Stoeng Treng, Krătie, Ratanak Kiri*. Phnom Penh.
- Griffiths, Arlo, Amandine Lepoure, William Southworth & Thành Phần (2012). *Văn khắc Chăm-pa tại Bảo tàng Chăm-Đà Nẵng/The inscriptions of Campa at the Museum of Cham Sculpture in Đà Nẵng*. Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia TP HCM/VNU-HCM Publishing House.
- Griffiths, Arlo (2014). 'Epigraphical texts and sculptural stele produced under the Virabhadra-varmadevas of fifteenth-century', *Études du Corpus des Inscriptions du Campa VI*, EFEO, Paris.
- Griffiths, Arlo (2018). *Campa Stela of Tư Lương*. (Báo cáo gửi Trường Viễn Đông Bác cổ Paris, ngày 05/8/2018. Email ngày 05/8/2018).
- Heng, Piphah (2016). 'Transition to the Pre-Angkorian period (300-500 CE): Thala Borivat and a regional perspective', *Journal of Southeast Asian Studies* 41(3), tr. 484-505.
- Hickey, Gerald (1982). *Sons of the Mountains: Ethnohistory of the Vietnamese Central Highlands to 1954*. New Haven and London: Yale University Press.
- Nguyễn Khắc Sử, Phan Thanh Toàn, Trần Đình Luân (2017). 'Kết quả nghiên cứu bước đầu một số di tích Tây Sơn Thượng Đạo', trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Tây Sơn Thượng Đạo trong khởi nghĩa Tây Sơn, An Khê, 23-24/11/2017* (biên tập Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai), tr. 151-156.
- Nguyễn Thị Kim Vân (2017). 'Dấu ấn văn hóa Champa trên đất Gia Lai và ý tưởng về tour du lịch "Theo dấu người xưa"', trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Tây Sơn Thượng Đạo trong khởi nghĩa Tây Sơn, An Khê, 23-24/11/2017* (biên tập Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai), tr. 349-358.
- Nguyễn Từ Chi (1996). *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người* [Contribution into studying on culture and ethnic]. Hanoi: Văn hóa-Thông tin Publisher.
- Tran Ky Phuong, Thonglith Luangkhotte, Phon Kaseka (2015). 'The new archaeological finds in Northeast Cambodia, Southern Laos and Central Highland of Vietnam: Considering on the significance of overland trading route and cultural interactions of the ancient kingdoms of Champa and Cambodia', trong *Advancing Southeast Asian Archaeology 2013, Selected Papers from the First SEAMEO- SPAFA International Conference on Southeast Asian Archaeology, Chonburi, Thailand 2013* (biên tập Noel Hidalgo Tan), tr. 432-441. Bangkok: SEAMEO-SPAFA Regional Center for Archaeology and Fine Arts.
- Trần Kỳ Phương (2009). 'The Architecture of the Temple-Towers of Ancient Champa (Central Vietnam)', trong *Champa and the Archaeology of My Son (Vietnam)* (biên tập Andrew Hardy, Mauro Cucarzi and Patrizia Zolese), tr. 155-186. Singapore: NUS Press.

- Trần Kỳ Phương (2017). 'The Overland Trading Route between the Khmer Empire and the Champa Kingdoms: New Archaeological Findings in Northeast Cambodia', *NSC Highlights, News from the Nalanda-Sriwijaya Centre, #4*, March-May 2017, tr. 4-6. Singapore: ISEAS Yusof Ishak Institute.
- Tranet, Michel (1983). 'Étude sur la Savarta vatt Sampuk', *Seksa Khmer (Études Khmeres)*, no. 6.1983, tr.75-107. Paris: Cedoreck.
- Whitmore, John (2018). 'Nagara Campa and the Vijaya Turn', trong *Vibrancy in Stone: Masterpieces from the Danang Museum of Cham Sculpture* (biên tập Trần Kỳ Phương, Võ Văn Thắng, Peter D. Sharrock), tr. 31-36. Bangkok: River Books.

TÓM TẮT

Tiểu luận trình bày địa thế đặc thù của thung lũng An Khê thời vương quốc Chiêm Thành/Champa vào các thế kỷ XI-XV/XVI như một Không Gian Thiêng của hoàng tộc được nêu trong minh văn của vương triều Virabhadravarmadeva dựng trong thung lũng này, nơi được mệnh danh là Thành phố Thịnh vượng (Samriddhipuri). Dựa trên các di tích và di vật phát hiện tại thung lũng và trong khu vực lân cận, tác giả chứng minh vai trò trọng yếu của An Khê trên con đường giao thương huyết mạch kết nối hai vương quốc Chiêm Thành và Khmer/Campuchia trong mối giao lưu mật thiết giữa duyên hải miền Trung và nội địa Đông Nam Á. Trong bối cảnh đó, An Khê được đánh giá là một trung tâm kinh tế quan trọng đã giữ vai trò trung chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu cho toàn vùng.

ABSTRACT

AN KHÊ VALLEY: "A HOLY SPACE" OF CHAMPA KINGDOM IN THE XV CENTURY

The essay presents the specific terrain of An Khê valley during the Champa Kingdom in the XI-XV/XVI century as a holy space of the royal family mentioned on the stelae of Virabhadravarmadeva Dynasty erected in the valley which was called the Prosperous City (Samriddhipuri). Based on the vestiges and relics discovered in the valley and the neighborhood, the author proves the crucial role of An Khê on the arterial trade road connecting the kingdoms of Champa and Khmer / Cambodia in the exchange between the Central Coast and Southeast Asia. In this context, An Khê is considered as an important economic center that had played the role of an intermediary place of import and export goods for the whole region.